

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LONG THÀNH  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HS-ST.

Ngày: 13-6-2018.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Huỳnh Thanh Liêm**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Nguyễn Văn Hươn**.

2. Bà **Lý Thị Bạch Tuyết**.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Đào Minh Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:**  
Bà **Huỳnh Đức Xuân Thương** – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2018/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2018 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử vụ án số 614/2018/TB-TA ngày 08 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

**Nguyễn Kiều H**, sinh năm: 1992 tại Hải Phòng.

Hộ khẩu thường trú: Tổ 22, ấp VD, xã PT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai;  
Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Duy T và bà Vũ Thị H; Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1994 và có 01 con sinh năm 2017; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/01/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong ngày 20/6/2015 (Bản án 54/2014/HSST ngày 17/01/2014).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/3/2018 đến ngày 13/3/2018 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, cho tại ngoại tại tổ 22, ấp VD, xã PT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

**- Bị hại:** Anh **Trần Hồng P**, sinh năm: 1990 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp F2, xã TA, huyện VT, thành phố Cần Thơ.

Chỗ ở: Ấp 3, xã T, huyện LT, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 175, Tổ 14, khu phố 3A, phường LBT, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 0 giờ ngày 02/3/2018, Nguyễn Kiều H cùng nhóm bạn đến uống bia tại quán MP do anh Trần Hồng P làm chủ ở ấp 3, xã T, huyện LT. Đến 02 giờ cùng ngày thì cả nhóm tính tiền đi về, lúc này H phát hiện có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 7 (32G) màu đen của anh P đang để trên vông màu xanh bên phải quán nên H đi đến lén lút lấy điện thoại bỏ vào túi quần mang về phòng trọ cất giấu. Sau đó, H tháo sim điện thoại vừa trộm được lắp vào điện thoại H đang sử dụng rồi mang điện thoại lấy trộm nêu trên đến tiệm điện thoại của chị Nguyễn Thị H ở phường LBT, thành phố BH thuê mở khóa mật khẩu giá 1.500.000 đồng. Đến 20 giờ ngày 03/3/2018, anh P nhắn tin vào số điện thoại bị mất xin chuộc lại, H đồng ý và hẹn anh P sáng ngày 04/3/2018 đến quán cà phê ở khu vực ngã ba TH, phường AB, thành phố BH để chuộc lại điện thoại. Anh P đồng ý, đồng thời đến Công an huyện Long Thành trình báo sự việc. Đến 11 giờ ngày 04/3/2018, khi anh P đến điểm hẹn trên gặp H thì H bị lực lượng Công an đến mời về làm việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản tố tụng hình sự số 13/KLĐG ngày 07/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Long Thành kết luận: 01 điện thoại di động mang nhãn hiệu Iphone 7 (32G) màu đen đã qua sử dụng có giá là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 (32G) màu đen đã trả lại cho bị hại anh Trần Hồng P.

Tại Cáo trạng số 46/CT-VKSLT ngày 27 tháng 4 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Kiều H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo H từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho anh P, anh P và chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Đối với chị Nguyễn Thị H có hành vi mở khóa mật khẩu điện thoại cho H nhưng chị H không biết đó là tài sản do H trộm cắp nên không xử lý.

Đối với Trần Ngọc H2 và Trần Hữu T đi cùng với H đến quán cà phê nhưng H2 và T không biết việc H trộm cắp tài sản và không biết H hẹn anh P đến để chuộc lại điện thoại đã trộm cắp nên không xử lý.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Kiều H khai nhận: Lúc 02 giờ ngày 02/3/2018, tại quán MP ở ấp 3, xã T, huyện LT, Nguyễn Kiều H có hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Trần Hồng P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 (32G) màu đen đã qua sử dụng trị giá 8.000.000 đồng. Đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Kiều H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tác động xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là một thanh niên có sức khỏe nhưng lười lao động, có tư tưởng hưởng thụ, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Người bị hại anh Trần Hồng P có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi trả cho anh P, anh P và chị H không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Long Thành, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp, đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Kiều H** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Kiều H 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 04/3/2018 đến ngày 13/3/2018.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Kiều H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện Long Thành (1);
- Công an huyện Long Thành (2);
- Chi cục THADS huyện Long Thành (1);
- Bị cáo (1); Bị hại (1); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (1);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng (6).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Huỳnh Thanh Liêm**